

Số: **282** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **30** tháng **3** năm **2012**

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hiệp hội Các nhà
đầu tư Việt Nam sang Lào

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào đã được Đại hội toàn thể hội viên lần thứ I (nhiệm kỳ 2011 - 2016) của Hiệp hội thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2011 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đinh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCPCP, N.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG


Nguyễn Tiến Đinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ HIỆP HỘI
CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM SANG LÀO

*được duyệt theo Quyết định số 282/QĐ-BNV ngày 30 tháng 3 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

**TÊN GỌI, TÊN CHỈ, MỤC ĐÍCH,
PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG**

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào.
2. Tên tiếng Anh: Association of Vietnam Investors into Laos.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: AVIL.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các tổ chức và công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực đầu tư sang Lào.

2. Mục đích hoạt động của Hiệp hội là tập hợp, tổ chức và tạo điều kiện để các hội viên hợp tác, hiệp lực và giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình triển khai hoạt động đầu tư tại Lào; cung cấp thông tin, nhu cầu, lĩnh vực hợp tác, hỗ trợ việc liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp hai nước Việt Nam và Lào để tăng năng lực tài chính, nguồn lực và hiệu quả hoạt động đầu tư; giúp đỡ hội viên khi gặp khó khăn, rủi ro trong sản xuất kinh doanh.

Điều 3. Phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Hiệp hội có phạm vi hoạt động toàn quốc, có tư cách pháp nhân, có biểu tượng riêng, có con dấu, tự chủ về tài chính và được mở tài khoản tại ngân hàng, kho bạc nhà nước, theo quy định của pháp luật.

2. Hiệp hội đặt trụ sở chính tại Hà Nội. Tùy theo nhu cầu hoạt động, Hiệp hội được thành lập thêm văn phòng đại diện ở một số địa phương trong nước và tại Lào theo quy định của pháp luật Việt Nam và Lào.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Hiệp hội tổ chức, hoạt động tuân thủ pháp luật của hai nước Việt Nam, Lào và Điều lệ Hiệp hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt.



2. Hoạt động của Hiệp hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan về lĩnh vực Hiệp hội hoạt động.

3. Hiệp hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quan, không vì mục đích lợi nhuận, tự trang trải về tài chính, bình đẳng giữa các hội viên và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật hai nước Việt Nam và Lào về hoạt động của mình.

Chương II **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ**

Điều 5. Nhiệm vụ của Hiệp hội

1. Tham gia đóng góp ý kiến về việc xây dựng, bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư sang Lào khi được các cơ quan nhà nước yêu cầu. Làm đầu mối liên kết và báo cáo định kỳ với Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao và Đại sứ quán Việt Nam tại Lào về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư tại Lào của các doanh nghiệp có liên quan theo quy định của luật pháp hai nước Việt Nam và Lào.

2. Hỗ trợ hội viên thông qua hình thức:

a) Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Việt Nam và Lào liên quan đến quan hệ hợp tác đầu tư giữa hai nước;

b) Thu thập và cung cấp thông tin về tình hình phát triển kinh tế xã hội, các cơ hội hợp tác, lĩnh vực, các dự án đầu tư tiềm năng tại Lào;

c) Giới thiệu đơn vị có đủ năng lực tài chính và kinh nghiệm triển khai dự án với Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan của hai nước Việt Nam và Lào để tìm kiếm các cơ hội đầu tư sang Lào;

d) Làm cầu nối trong quan hệ giữa hội viên với các Bộ, ngành, đối tác tại Lào theo quy định của pháp luật Việt Nam và Lào;

đ) Tổ chức tư vấn, cung cấp thông tin cho hội viên trong quan hệ hợp tác đầu tư với các đối tác Lào, phù hợp với pháp luật hai nước và thông lệ quốc tế.

3. Tập hợp các đề xuất, kiến nghị của các hội viên Hiệp hội lên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính, cơ chế chính sách... nhằm tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động hợp tác đầu tư sang Lào theo quy định của pháp luật hai nước Việt Nam và Lào.

4. Tổ chức các diễn đàn, hội nghị xúc tiến đầu tư, các đoàn công tác khảo sát nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư của hội viên vào Lào theo quy định của pháp luật Việt Nam và Lào.

5. Thực hiện các quan hệ hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam, Lào và thông lệ quốc tế.

6. Thực hiện các hoạt động dịch vụ để tạo nguồn thu cho hoạt động thường xuyên của Hiệp hội theo quy định của pháp luật hai nước Việt Nam, Lào và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 6. Quyền hạn của Hiệp hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích, các hoạt động của Hiệp hội và vận động xây dựng phát triển Hiệp hội.

2. Đại diện cho hội viên trong môi quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hiệp hội và hội viên ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hai nước Việt Nam, Lào và thông lệ quốc tế.

4. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hiệp hội và các lĩnh vực Hiệp hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Tự chủ về tài chính trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp để tự trang trải về chi phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

6. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

7. Thành lập, giải thể các tổ chức trực thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hiệp hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hiệp hội và Điều lệ Hiệp hội. Không lợi dụng hoạt động của Hiệp hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ ba mươi ngày, Ban Chấp hành Hiệp hội phải có văn bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây viết tắt là Nghị định số 45/2010/NĐ-CP) là Bộ Nội vụ và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hiệp hội hoạt động là Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Khi thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký của Hiệp hội, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, lập các pháp nhân thuộc Hiệp hội phải theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

4. Hàng năm, Hiệp hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hiệp hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định số

45/2010/NĐ-CP và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà Hiệp hội hoạt động, chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

5. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

6. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hiệp hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hiệp hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hiệp hội và văn phòng đại diện, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành Hiệp hội.

7. Kinh phí thu được theo quy định tại Khoản 11 và Khoản 12 Điều 23 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, phải dành cho hoạt động của Hiệp hội theo quy định của Điều lệ Hiệp hội, không được chia cho hội viên.

8. Việc sử dụng kinh phí của Hiệp hội chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Hàng năm, Hiệp hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Tiêu chuẩn hội viên, điều kiện gia nhập và thủ tục khai trừ hội viên.

1. Hội viên chính thức: Tổ chức, công dân của Việt Nam đã và đang đầu tư hoặc có nhu cầu đầu tư tại Lào, tự nguyện tham gia và tuân thủ Điều lệ của Hiệp hội được Hiệp hội chấp nhận là hội viên chính thức.

2. Hội viên liên kết: Các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động tại Việt Nam, có đóng góp cho sự phát triển của Hiệp hội, tán thành Điều lệ Hiệp hội thì được Hiệp hội công nhận là hội viên liên kết.

3. Hội viên danh dự: Tổ chức, công dân của Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức hoặc hội viên liên kết của Hiệp hội nhưng có nhiều đóng góp cho hoạt động của Hiệp Hội, tán thành Điều lệ Hiệp hội thì được Hiệp hội mời làm hội viên danh dự.

4. Đăng ký thủ tục gia nhập và kết nạp hội viên:

a) Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, có nguyện vọng gia nhập Hiệp hội, gửi đơn tự nguyện gia nhập Hiệp hội (theo mẫu) và các giấy tờ khác theo quy định của Hiệp hội để Hiệp hội xét công nhận hội viên;

b) Trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được đầy đủ các giấy tờ trên, Hiệp hội sẽ có quyết định bằng văn bản việc kết nạp tổ chức, cá nhân trở thành hội viên chính thức của Hiệp hội;

c) Việc xét kết nạp hội viên mới do Ban Thường vụ Hiệp hội xem xét quyết định.

5. Thẻ thức ra khỏi Hiệp hội

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hiệp hội, làm đơn gửi Ban Thường vụ Hiệp hội. Ban Thường vụ Hiệp hội xem xét, quyết định việc chấm dứt tư cách hội viên, khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ tán thành. Quyền và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt kể từ khi có quyết định chấp thuận của Ban Thường vụ Hiệp hội.

b) Tư cách hội viên Hiệp hội không còn nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Hội viên là tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động hoặc bị tuyên bố phá sản;
- Hội viên là cá nhân bị mất quyền công dân, không đủ sức khỏe, chết hoặc bị tuyên bố chết, tuyên bố mất tích;

- Vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hiệp hội và các quy định của Hiệp hội;

- Không đóng hội phí theo quy định của Hiệp hội;

- Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và uy tín của Hiệp hội và ảnh hưởng đến quan hệ giữa Việt Nam và Lào.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Quyền của hội viên chính thức:

a) Được trực tiếp tham gia các hoạt động của Hiệp hội, được ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hiệp hội;

b) Tham gia thảo luận và biểu quyết các nghị quyết của Hiệp hội, được phê bình chất vấn Ban Chấp hành về mọi chủ trương và hoạt động của Hiệp hội;

c) Được Hiệp hội hỗ trợ trong các hoạt động đầu tư tại Lào; tư vấn và phối hợp làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để bảo vệ lợi ích hợp pháp của hội viên khi các hoạt động đầu tư của hội viên tại Lào bị xâm phạm. Được cung cấp các thông tin về tình hình kinh tế, các lĩnh vực, dự án đầu tư tiềm năng tại Lào, năng lực của đối tác tại Lào và các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật hai nước Việt Nam và Lào;

d) Được tham gia các đoàn công tác khảo sát thị trường Lào, các hình thức liên kết, các diễn đàn do Hiệp hội tổ chức theo quy định của pháp luật;

đ) Được tạo điều kiện tiếp xúc với thị trường nước ngoài, tham gia thảo luận, ký kết các hợp đồng liên doanh, liên kết đầu tư với nước ngoài theo quy định của pháp luật;

e) Được tham gia thảo luận, góp ý, đề xuất ý kiến cải tiến, mở rộng, tăng cường hoạt động của Hiệp hội, giải quyết những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động xúc tiến đầu tư tại Lào theo quy định của pháp luật hai nước Việt Nam, Lào và thông lệ quốc tế;

- g) Được đề xuất các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội toàn thể;
- h) Được xin ra khỏi Hiệp hội ;
- i) Được hưởng các quyền lợi do hoạt động chung của Hiệp hội theo nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệp hội mang lại và các quyền lợi khác theo quy định của Hiệp hội và quy định của pháp luật;
- k) Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong công tác của Hiệp hội;
- l) Hội viên là tổ chức (doanh nghiệp, cơ quan) được phép thay thế người đại diện; người đại diện mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ hội viên, trừ các chức vụ do Hiệp hội đã giao cho người đại diện tiền nhiệm, người đại diện thay thế chỉ được đảm nhiệm chức vụ của Hiệp hội khi được Hiệp hội ra quyết định chấp thuận.

2. Quyền của hội viên liên kết và hội viên danh dự: Được hưởng các quyền như hội viên chính thức như quy định tại Khoản 1 Điều này trừ các quyền đề cử, ứng cử, bầu cử và biểu quyết các vấn đề của Hiệp hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên.

1. Tuân thủ pháp luật hiện hành, tuân thủ Điều lệ của Hiệp hội và các văn bản của Đại hội, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hiệp hội.
2. Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng nhau góp phần xây dựng Hiệp hội ngày càng vững mạnh.
3. Tích cực tham gia các kỳ sinh hoạt thường kỳ hoặc đột xuất của Hiệp hội khi Hiệp hội yêu cầu.
4. Hội viên chính thức và hội viên liên kết có trách nhiệm đóng hội phí hàng năm đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định của Hiệp hội.
5. Cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hiệp hội để phục vụ cho hoạt động của Hiệp hội.
6. Tích cực tuyên truyền, quảng bá tôn chỉ, mục đích, Điều lệ của Hiệp hội; bảo vệ lợi ích của Hiệp hội theo quy định của pháp luật; vận động hội viên hưởng ứng các hoạt động của Hiệp hội và tham gia tích cực vào việc phát triển hội viên mới cho Hiệp hội.
7. Tham gia các hoạt động và chấp hành sự phân công của Hiệp hội.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HIỆP HỘI

Điều 11. Tổ chức của Hiệp hội

1. Đại hội toàn thể hội viên.
2. Ban Chấp hành Hiệp hội.
3. Ban Thường vụ Hiệp hội.
4. Ban Kiểm tra Hiệp hội.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Hiệp hội.

Điều 12. Đại hội toàn thể hội viên, đại hội bất thường và hội nghị thường niên.

1. Đại hội toàn thể hội viên là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hiệp hội. Do Ban Chấp hành triệu tập 05 (năm) năm một lần với sự tham gia ít nhất của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức, Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thông qua báo cáo hoạt động của Hiệp hội trong nhiệm kỳ qua và phương hướng nhiệm vụ, chương trình và kế hoạch hoạt động của Hiệp hội trong nhiệm kỳ tới;

b) Thảo luận và quyết định những vấn đề kinh tế, tài chính của Hiệp hội;

c) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hiệp hội (nếu có);

d) Quyết định chia tách, sáp nhập, hợp nhất, ngừng hoạt động, giải thể Hiệp hội (nếu có);

đ) Quyết định số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hiệp hội nhiệm kỳ mới;

e) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng về hoạt động của Hiệp hội;

g) Khi triệu tập Đại hội, Ban Chấp hành Hiệp hội phải công bố chương trình nghị sự của Đại hội và gửi thư mời hội viên chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày quyết định họp;

h) Các quyết định của Đại hội chỉ có giá trị khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tán thành. Mỗi hội viên chính thức có một phiếu bầu tại Đại hội. Các nghị quyết của Đại hội được lấy biểu quyết theo đa số và được thông qua khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số đại biểu có mặt biểu quyết tán thành, trừ những vấn đề đặc biệt quan trọng sau đây thì phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tán thành:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

- Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hiệp hội.

2. Đại hội bất thường: Được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hiệp hội đề nghị.

3. Hội nghị thường niên: Căn cứ vào hoạt động cụ thể, Hiệp hội có thể tổ chức hội nghị thường niên của Hiệp hội 01 (một) năm một lần để tổng kết đánh giá hoạt động của Hiệp hội và bàn phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo.

Điều 13. Ban Chấp hành Hiệp hội

1. Ban Chấp hành Hiệp hội là cơ quan lãnh đạo của Hiệp hội trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ Đại hội. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định và bầu trực tiếp bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín do Đại hội toàn thể hội viên quyết định. Thành viên Ban Chấp hành phải là hội viên chính thức (hội viên cá nhân hoặc người đại diện của hội viên doanh nghiệp, cơ quan). Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hiệp hội là 05 (năm) năm.

2. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành:

a) Cụ thể hoá các nghị quyết của Đại hội và đề ra những biện pháp để thực hiện nghị quyết của Đại hội;

- b) Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Hiệp hội theo định kỳ;
- c) Quyết định Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Quy chế Tài chính của Hiệp hội;
- d) Thông qua chương trình công tác, hoạt động hàng năm của Hiệp hội, các báo cáo của Ban Thường vụ;
- đ) Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc của Hiệp hội;
- e) Bầu bổ sung hoặc miễn nhiệm các thành viên trong Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra giữa hai kỳ Đại hội;
- g) Quyết định tổ chức Đại hội và kỳ họp của Ban Chấp hành Hiệp hội;
- h) Giám sát công việc của các tổ chức trực thuộc;
- i) Quy định tiêu chuẩn và thủ tục bầu các chức danh lãnh đạo của Hiệp hội;
- k) Tổ chức và chuẩn bị nội dung khác cho Đại hội toàn thể hội viên;
- l) Thực hiện các công việc khác do Đại hội Hiệp hội phân công.

3. Ban Chấp hành Hiệp hội họp thường kỳ mỗi năm một lần. Ban Chấp hành Hiệp hội có thể họp bất thường khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội hoặc 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ đề nghị. Phiên họp của Ban Chấp hành được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành. Ủy viên Ban Chấp hành phải tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban Chấp hành. Nếu ủy viên nào bỏ hai kỳ họp Ban Chấp hành liên tiếp mà không có lý do chính đáng và không có văn bản báo cáo với Ban Chấp hành sẽ bị xóa tên khỏi danh sách Ban Chấp hành khi được 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ chấp thuận.

4. Nghị quyết của Ban Chấp hành Hiệp hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên tham gia biểu quyết tán thành; trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành phải được trên 2/3 (hai phần ba) số ủy viên tham gia biểu quyết tán thành.

5. Thay đổi, bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra giữa hai kỳ Đại hội:

a) Trường hợp vì lý do công việc, hội viên cử người đại diện thay thế thì tư cách ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của người đó phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành chấp thuận;

b) Trường hợp số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra không còn đủ như quy định của Đại hội thì Ban Chấp hành được bầu bổ sung số ủy viên thiếu trong số các hội viên chính thức của Hiệp hội theo giới thiệu của Ban Thường vụ;

c) Trường hợp do hoạt động của Hiệp hội được mở rộng, Ban Chấp hành sẽ được bầu bổ sung một số ủy viên mới theo giới thiệu của Ban Thường vụ với số lượng không quá 20% (hai mươi phần trăm) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

Điều 14. Ban Thường vụ Hiệp hội

1. Ban Thường vụ Hiệp hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ và hình thức bầu do Ban Chấp hành quy định.

2. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ Hiệp hội là 05 (năm) năm.

3. Ban Thường vụ họp định kỳ 06 (sáu) tháng một lần, họp bất thường khi Chủ tịch Hiệp hội hoặc có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ yêu cầu.

4. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ Hiệp hội:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội, Ban Chấp hành Hiệp hội;
b) Thay mặt Ban Chấp hành giải quyết các công việc của Hiệp hội;
c) Phê duyệt dự toán, quyết toán tài chính, chương trình công tác, hoạt động hàng năm của Hiệp hội và báo cáo tại kỳ họp thường kỳ Ban Chấp hành Hiệp hội;

d) Thực hiện các hoạt động đối nội và đối ngoại của Hiệp hội theo quy định của pháp luật;

đ) Chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Ban Chấp hành;

e) Quyết định xét kết nạp hội viên, chấm dứt tư cách hội viên;

g) Thực hiện các công việc khác do Ban Chấp hành phân công.

Điều 15. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hiệp hội

1. Chủ tịch Hiệp Hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Là người đại diện của Hiệp hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội về việc chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hiệp hội;

b) Chỉ đạo hoạt động của Hiệp hội theo quy định trong Điều lệ, theo các nghị quyết, quyết định của Đại hội, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hiệp hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ. Chủ tịch Hiệp hội chủ trì phiên họp thứ nhất Ban Chấp hành khoá kế tiếp cho đến khi bầu xong Chủ tịch Hiệp hội nhiệm kỳ mới;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội ký các văn bản, nghị quyết, quyết định của Hiệp hội trên cơ sở nội dung đã được Đại hội toàn thể hội viên, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ nhất trí hoặc theo nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hiệp hội quy định tại Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội;

đ) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ giải quyết các công việc phát sinh hàng ngày của Hiệp hội theo phân công của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội.

2. Phó Chủ tịch Hiệp hội giúp Chủ tịch Hiệp hội lãnh đạo từng mặt công tác của Hiệp hội, có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi được Chủ tịch phân công. Khi Chủ tịch vắng mặt, việc điều hành giải quyết công việc của Hiệp hội do Phó Chủ tịch thường trực (nếu có) hoặc theo uỷ quyền của Chủ tịch Hiệp hội.

Điều 16. Tổng thư ký Hiệp hội

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo hoạt động Văn phòng Hiệp hội, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hiệp hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng thư ký Hiệp hội:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hiệp hội trong quản lý điều hành hoạt động của Văn phòng Hiệp hội và các tổ chức trực thuộc Hiệp hội (theo phân công của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hiệp hội);

b) Chịu trách nhiệm về các thông tin hoạt động Hiệp hội, thông tin của cơ quan ngôn luận của Hiệp hội;

c) Chỉ đạo Văn phòng Hiệp hội, các ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc Hiệp hội: Chuẩn bị nội dung, soạn thảo các văn bản, báo cáo phục vụ Đại hội, các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; soạn thảo nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; soạn thảo các quy chế của Hiệp hội; thực hiện các công tác chuẩn bị Đại hội, chuẩn bị các văn kiện của Đại hội, hội nghị và triển khai thực hiện các hoạt động của Hiệp hội.

3. Tuỳ theo yêu cầu nhiệm vụ và đề nghị của Tổng thư ký, Ban Chấp hành Hiệp hội bổ nhiệm Phó Tổng thư ký để giúp việc cho Tổng thư ký trong quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hiệp hội. Phó Tổng thư ký thực hiện các chức trách nhiệm vụ theo phân công của Tổng thư ký và thay mặt điều hành Văn phòng Hiệp hội theo uỷ quyền của Tổng thư ký.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội toàn thể hội viên bầu trong số các hội viên chính thức của Hiệp hội. Số lượng thành viên Ban Kiểm tra có từ 03 (ba) thành viên trở lên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Ban Chấp hành.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra:

a) Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hiệp hội và hội viên trong việc chấp hành Điều lệ Hiệp hội, Quy chế tài chính của Hiệp hội, các nghị quyết, quyết định của Đại hội, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ;

b) Báo cáo kết quả kiểm tra trước Đại hội;

c) Giải quyết các đơn thư khiếu nại tố cáo có liên quan đến hội viên và các đơn vị trực thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật;

d) Ban Kiểm tra họp thường kỳ (theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra) hoặc bất thường (theo đề nghị của Chủ tịch Hiệp hội).

3. Trưởng Ban Kiểm tra do Ban Kiểm tra bầu, có quyền tham dự và ùy quyền tham dự các cuộc họp Ban Chấp hành Hiệp hội, phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết trong trường hợp Trưởng ban không phải là uỷ viên Ban Chấp hành.

Điều 18. Văn phòng Hiệp hội, ban chuyên môn và các tổ chức trực thuộc

1. Văn phòng Hiệp hội là cơ quan chuyên trách giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệp hội về hành chính tổng hợp, kế toán, tài chính, duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác với tổ chức, cá nhân có liên quan, là đầu mối thu thập và cung cấp thông tin cho hội viên, tổ chức hội thảo, hội nghị.

2. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, phương thức quản lý điều hành hoạt động được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Văn phòng Hiệp hội do Tổng thư ký trình Ban Thường vụ phê duyệt.

3. Ban Thường vụ xem xét quyết định thành lập ban chuyên môn thực hiện các lĩnh vực công tác của Hiệp hội nếu thấy cần thiết.

4. Ban Chấp hành xem xét quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc nếu thấy cần thiết hoặc giao cho Ban Thường vụ quyết định thành lập. Việc thành lập các tổ chức trực thuộc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Giải thể và thanh quyết toán tài sản, tài chính của Hiệp hội

1. Giải thể Hiệp hội

a) Hiệp hội tự giải thể trong các trường hợp sau:

- Hết thời gian hoạt động;
- Theo đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;
- Mục đích đã hoàn thành.

b) Hiệp hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định số 45/NĐ-CP trong các trường hợp sau:

- Hiệp hội không hoạt động liên tục mười hai tháng;
- Khi có Nghị quyết của Đại hội về việc Hiệp hội tự giải thể mà Ban lãnh đạo Hiệp hội không chấp hành;
- Hoạt động của Hiệp hội vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

2. Hiệp hội tự giải thể, bị giải thể, tài sản của Hiệp hội được giải quyết như sau:

a) Tài sản, tài chính do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ; tài sản, tài chính do Nhà nước hỗ trợ mà Hiệp hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

b) Đối với nguồn tài sản, tài chính tự có của Hiệp hội mà Hiệp hội đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài sản và thanh toán các khoản nợ sau khi Hiệp hội giải thể thì số tài sản, số dư tài chính còn lại do Hiệp hội quyết định theo quy định của Điều lệ Hiệp hội.

Chương V TÀI CHÍNH CỦA HIỆP HỘI

Điều 20. Quy định chung

1. Năm tài chính của Hiệp hội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Hoạt động của Hiệp hội theo nguyên tắc tự cân đối tài chính, lấy thu bù chi.

3. Tài chính của Hiệp hội tuân thủ chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước và Quy chế tài chính của Hiệp hội phù hợp quy định của pháp luật.

4. Tài sản của Hiệp hội gồm những tài sản mua sắm từ nguồn tài chính của Hiệp hội, tài sản được các đơn vị, tổ chức kinh tế, xã hội, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ theo quy định pháp luật.

5. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định nguyên tắc, chế độ quản lý, sử dụng nguồn tài chính, tài sản của Hiệp hội phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 21. Các khoản thu, chi của Hiệp hội

1. Các khoản thu của Hiệp hội:

- a) Hội phí hàng năm của hội viên;
- b) Các khoản đóng góp tự nguyện và các khoản tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- c) Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Các khoản chi của Hiệp hội:

- a) Các chi phí duy trì hoạt động thường xuyên của Hiệp hội (hoạt động Văn phòng, các kỳ Đại hội, hội nghị, hội thảo, hợp tác quốc tế, chi lương cho bộ máy thường trực Hiệp hội...);
- b) Chi phí mua sắm tài sản cho Văn phòng Hiệp hội;
- c) Các chi phí cho công tác nghiên cứu thị trường, các đề tài nghiên cứu (nếu có);
- d) Chi khen thưởng, ngoại giao;
- đ) Các chi phí phát sinh khác phải được Ban Thường vụ Hiệp hội thông qua.

Điều 22. Quản lý và sử dụng tài sản, tài chính của Hiệp hội

1. Tài sản của Hiệp hội được quản lý và sử dụng theo Quy chế Tài chính của Hiệp hội do Chủ tịch Hiệp hội ký ban hành và theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ căn cứ vào tình hình tài chính của Hiệp hội đề xuất mức hội phí thường kỳ của hội viên và được thông qua hội nghị thường niên.

3. Ban Chấp hành quy định quy chế về quản lý, sử dụng nguồn tài chính và tài sản của Hiệp hội phù hợp với quy chế tài chính chung của Nhà nước và phải được công khai trước hội viên tại hội nghị thường niên.

4. Ban Kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo tài sản, tài chính, công khai cho hội viên biết tại hội nghị thường niên.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Khen thưởng

1. Hội viên và các đơn vị trực thuộc của Hiệp hội có thành tích xuất sắc trong công tác Hiệp hội sẽ được Hiệp hội khen thưởng hoặc đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục, tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng.

Điều 24. Xử lý vi phạm

1. Hội viên vi phạm Điều lệ Hiệp hội, làm tổn hại đến danh dự, uy tín và tài chính của Hiệp hội sẽ bị kỷ luật với các hình thức từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ ra khỏi Hiệp hội; hội viên vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp Hành Hiệp hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội

1. Chỉ có Đại hội toàn thể hội viên của Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội;

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội phải được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào gồm 7 (bảy) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội toàn thể hội viên của Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào lần thứ I nhiệm kỳ (2011 - 2016) nhất trí thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2011 tại Hà Nội.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hiệp hội, Ban Chấp hành Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện Điều lệ này. *Kat*